TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 05-4-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quân.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Bùi Kim Anh.
2. Bà Võ Thị Thu Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mai Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2022/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2022 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Mỹ V, sinh năm 1999. Địa chỉ: Đội 2, thôn T, xã L, huyện P, tỉnh Quảng Nam. Có mặt

2. Bị đơn: Anh Lê Xuân N, sinh năm 1989. Địa chỉ: Đội 2, thôn T, xã L, huyện P, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, các buổi làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bùi Thị Mỹ V trình bày: Về hôn nhân, chị và anh Lê Xuân N tự nguyện tìm hiểu và xây dựng gia đình, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Quảng Nam vào năm 2020. Trong thời gian chung sống, giữa vợ chồng chị luôn xảy ra nhiều bất đồng, mâu thuẫn, nguyên nhân do anh N sống không có trách nhiệm với gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi vả rồi anh N bỏ luôn vợ con ra đi, bản thân chị phải tự lo cho con, anh N không quan tâm gì đến chị và con. Nay chị không còn tình cảm với anh N nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về nuôi con chung, vợ chồng chị có 01 con chung là Lê Bùi Mỹ L, sinh ngày 22-9-2019, chị V có nguyện vọng được nuôi con và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 (Ba triệu) đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung đều không có và chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và tại phiên họp ngày 28/01/2022, bị đơn anh Lê Xuân N trình bày: Về hôn nhân, anh N đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị V vì vợ chồng đã mâu thuẫn không còn tin tưởng nhau, nguyên nhân do vợ ngoại tình làm anh không thể tin mà chung sống với vợ được nữa. Về nuôi con chung, vợ chồng anh có 01 con chung như chị V khai, anh N có nguyện vọng nếu chị V không nuôi được con thì anh nuôi, còn nếu chị V nuôi con thì anh N không thống nhất cấp dưỡng bằng tiền mà sẽ mua đồ dùng và sữa cho con. Về tài sản chung, nợ chung đều không có và anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Lê Xuân N vắng mặt và không có ý kiến hay lời trình bày gì thêm đối với các yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Mỹ V.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Về thủ tục tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, theo các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị Mỹ V, giao con chung cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng và anh N phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn anh Lê Xuân N đã được Tòa án nhân dân huyện P triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh N.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Bùi Thị Mỹ V và anh Lê Xuân N tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Quảng Nam vào năm 2020 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Xét tình trạng hôn nhân của chị V và anh N thì thấy: Theo chị V trình bày, trong thời gian chung sống giữa vợ chồng chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do anh N không quan tâm, thiếu trách nhiệm với vợ con. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân cuối năm 2020 đến nay, phần ai nấy sống, không quan tâm đến nhau, bản thân chị V không còn tình cảm với anh N nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Anh N thì cho rằng anh không còn tin tưởng chị V nên không thể chung sống với chị

V và anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị V. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hòa giải để vợ chồng hàn gắn xây dựng hạnh phúc nhưng không đạt kết quả. Qua xác minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ xã L không nắm rõ tình trạng hôn nhân giữa chị V và anh N.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị V và anh N đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của chị V là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị V và anh N có 01 con chung là Lê Bùi Mỹ L, sinh ngày 22-9-2019. Chị V có nguyện vọng được nuôi con khi ly hôn và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 (Ba triệu) đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh N không đồng ý theo yêu cầu của chị V và cho rằng nếu chị V không nuôi được con thì anh nuôi, còn nếu chị V nuôi con thì anh N không cấp dưỡng nuôi con bằng tiền mà sẽ mua đồ dùng và sữa cho con. Tại phiên tòa anh N vắng mặt và không có ý kiến gì khác về việc nuôi con chung.

Xét yêu cầu về nuôi con chung của chị V thì thấy: Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014 thì "*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; ...*". Chị V và anh N không thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Theo chị V khai thì anh chị chung sống trong thời gian ngắn rồi anh N bỏ đi không quan tâm gì đến vợ con cho đến nay, bản thân chị phải tự lo cho con mà không có sự đóng góp nuôi con của anh N. Hiện nay, con chung được chị nuôi dạy đảm bảo và phát triển bình thường, chị đi làm công nhân đảm bảo có thu nhập để lo cho con. Xét thấy, cháu L còn rất nhỏ hiện chưa đủ 36 tháng và đang ở với chị V, để đảm bảo quyền lợi của cháu L và xét điều kiện của chị V, Hội đồng xét xử thấy yêu cầu nhận nuôi con của chị V là phù hợp nên chấp nhận giao cháu L cho chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, chị V yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi cháu L mỗi tháng 3.000.000 (Ba triệu) đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Xét về mức cấp dưỡng theo yêu cầu của chị V là quá cao so với mức lương cơ sở hiện nay và mức thu nhập trung bình tại địa phương, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận mức cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 (Một triệu) đồng là phù hợp, anh N phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi con trưởng thành.

[2.3] Về chia tài sản, nợ chung: Chị V khai vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh N phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 28, 35, 147, 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội;

Xử:

- Về hôn nhân: Cho chị Bùi Thị Mỹ V ly hôn với anh Lê Xuân N.

- Về nuôi con chung: Giao cháu Lê Bùi Mỹ L, sinh ngày 22-9-2019 cho chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh N chịu trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu L mỗi tháng 1.000.000(Một triệu) đồng, kể từ tháng 5/2022 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản, nợ chung: Không xem xét giải quyết

- Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Bùi Thị Mỹ V phải chịu 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng chị V đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0010338 ngày 28-01-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Quảng Nam. Chị V đã nộp xong tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Anh Lê Xuân N phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (05-4-2022). Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã L;
- VKSND huyện P;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Quân